

ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN VÀ HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Dành cho khách hàng cá nhân)



Số tài khoản lưu ký:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số tài khoản giao dịch thông thường:

							1
--	--	--	--	--	--	--	---

Hợp đồng này được ký ngày/...../..... giữa hai bên có tên sau đây:

Khách hàng:.....

Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:..... Quốc tịch:.....

Mã số thuế thu nhập cá nhân (nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Nơi làm việc:.....

Điện thoại di động:..... Điện thoại nhà riêng:..... Điện thoại cơ quan:

Email:..... Fax:.....

(Sau đây gọi tắt là "**Khách hàng**")

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

Giấy phép số : 03/GPHĐKD

Nơi cấp: UBCKNN

Ngày cấp: 05/4/2000

Người đại diện: Chức vụ:

(Sau đây gọi tắt là "**CTCK**")

Khách hàng và CTCK đồng ý ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với các điều khoản ghi ở mặt sau. Hợp đồng được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản có giá trị như nhau.

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chữ ký mẫu của Khách hàng (Khách hàng ký 2 chữ ký giống nhau)		Phần dành cho CTCK	
Chữ ký 1	Chữ ký 2	Nhân viên DVKH (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng BP DVKH (Ký, ghi rõ họ tên)

Thông tin về người tư vấn mở tài khoản	Chữ ký
- Họ tên: Mã ID:..... - Số chứng chỉ hành nghề:..... Loại:..... - Quan hệ giữa người tư vấn và khách hàng: <input type="checkbox"/> Mới quen <input type="checkbox"/> Họ hàng Khác..... - Ý kiến của người tư vấn:	

I. THÔNG TIN VỀ TÀI KHOẢN

Loại TK	Mô tả	Sổ tài khoản; Mã số giao dịch chứng khoán
<input type="checkbox"/> Loại 1:	Tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán tại SSI Thanh toán tại SSI	
<input type="checkbox"/> Loại 2:	Tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán tại SSI Thanh toán qua Ngân hàng thanh toán do Khách hàng chỉ định	Ngân hàng thanh toán <input type="checkbox"/> Eximbank - Chi nhánh Sài Gòn <input type="checkbox"/> BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa <input type="checkbox"/> Ngân hàng : Số tài khoản:
<input type="checkbox"/> Loại 3:	Tài khoản giao dịch chứng khoán tại SSI Lưu ký chứng khoán và thanh toán qua Ngân hàng lưu ký	Ngân hàng lưu ký: Số tài khoản: Mã số giao dịch chứng khoán:

II. THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG

Hiếu biết về đầu tư: <input type="checkbox"/> Hạn chế <input type="checkbox"/> Trung bình <input type="checkbox"/> Tốt <input type="checkbox"/> Rất tốt				
Kinh nghiệm về đầu tư: <input type="checkbox"/> Chưa có <input type="checkbox"/> Cổ phiếu <input type="checkbox"/> Trái phiếu <input type="checkbox"/> Tín phiếu kho bạc <input type="checkbox"/> Bán không <input type="checkbox"/> Chứng khoán khác				
Mục tiêu đầu tư: Thu nhập :.....% Tăng trưởng dài hạn :.....% Tăng trưởng trung hạn :.....% Tăng trưởng ngắn hạn :.....% Tổng cộng : 100 %	Mức độ chấp nhận rủi ro: Thấp :.....% Trung bình :.....% Cao :.....% Tổng cộng : 100 %			
Tài khoản tại công ty chứng khoán khác: Tên công ty chứng khoán:..... Số tài khoản giao dịch: Tên công ty chứng khoán:..... Số tài khoản giao dịch:				
Tên công ty đại chúng mà Khách hàng giữ chức danh quản lý và/hoặc sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên và/hoặc thuộc đối tượng phải công bố thông tin khi thực hiện giao dịch chứng khoán:				
Tên công ty đại chúng/ Quý đại chúng	Mã chứng khoán	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Khách hàng thuộc Đối tượng công bố thông tin (Khách hàng chọn (1),(2),(3),(4) theo diễn giải tại phần "Ghi chú")
			<input type="checkbox"/> >=5% <input type="checkbox"/> <5%	<input type="checkbox"/> (1) <input type="checkbox"/> (2) <input type="checkbox"/> (3) <input type="checkbox"/> (4)
			<input type="checkbox"/> >=5% <input type="checkbox"/> <5%	<input type="checkbox"/> (1) <input type="checkbox"/> (2) <input type="checkbox"/> (3) <input type="checkbox"/> (4)
Ghi chú: (1) “Người nội bộ” được quy định tại Khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; (2) “Người có liên quan của người nội bộ ” được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006 ; (3) Người sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; người sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng ; (4) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; thành viên sáng lập của quỹ đại chúng ;				
Thông tin về người thụ hưởng liên quan: Họ và tên:..... Giới tính: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ Ngày sinh:.....Quốc tịch..... Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:..... Mối quan hệ với khách hàng:.....Điện thoại liên lạc:.....				
Thông tin về người ủy quyền giao dịch (nếu có): Họ và tên:..... Giới tính: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ Ngày sinh:.....Quốc tịch..... Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:..... Mối quan hệ với khách hàng:.....Điện thoại liên lạc:..... Giấy tờ kèm theo (liệt kê chi tiết):.....				
Thông tin liên quan đến Hoa Kỳ (Cho mục đích tuân thủ FATCA) <input type="checkbox"/> (a) Khách hàng là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (1) hoặc là đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ. <input type="checkbox"/> (b) Khách hàng không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ nhưng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ (2). <input type="checkbox"/> (c) Khách hàng không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ, và không có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ. Bằng cách tích chọn vào các ô thích hợp ở trên và ký xác nhận trên Hợp đồng này, Khách hàng cam đoan các thông tin được kê khai là chính xác và hoàn chỉnh. Khách hàng cam kết sẽ thông báo cho CTCK ngay khi có sự thay đổi về các thông tin đã kê khai như trên. Trong trường hợp Khách hàng tích chọn là (a) hoặc (b): Khách hàng cam kết cung cấp bộ tài liệu FATCA bao gồm mẫu đơn W9 hoặc W8-Ben và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của CTCK trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này. Trường hợp Khách hàng không cung cấp bộ tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày cho CTCK thì tài khoản của Khách hàng này được phân loại là “Tài khoản chống đối”. Khách hàng đồng ý cho CTCK truy cập tất cả các thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách hàng. Đồng thời, cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Khách hàng, theo đây, đồng ý cho CTCK báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan thuế có thẩm quyền, thực hiện Khấu trừ thuế theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA. Ghi chú : (1) Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ: Đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ bao gồm đối tượng có thẻ xanh hoặc cả nhân lưu trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong giai đoạn 3 năm, bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó. (2) Có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ: Khách hàng có một trong các dấu hiệu sau: nơi sinh tại Hoa Kỳ, địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ, có chỉ định định kỳ chuyển khoản vào một/các tài khoản tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một/các tài khoản mở tại Hoa Kỳ, có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ, có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ.				

III. PHƯƠNG THỨC NHẬN THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN

Phương thức nhận thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán bao gồm : sao kê tài khoản, kết quả giao dịch,... :
<ul style="list-style-type: none">Tại quầy.Các phương thức Khách hàng đăng ký theo Giấy đăng ký giao dịch điện tử đính kèm hợp đồng này.Các phương thức khác do CTCK cung cấp (qua email hoặc các kênh thông báo khác đến chỉ dẫn của Khách hàng đã đăng ký tại CTCK) tùy theo quyết định và khả năng của CTCK tùy từng thời điểm.

Khách hàng xác nhận rằng các thông tin cung cấp trên đây là chính xác. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về các thông tin trên, Khách hàng sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho CTCK.

-2-

ĐIỀU KHOẢN & ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 1: Mục đích Hợp đồng

- 1.1. Theo Hợp đồng này, Khách hàng đề nghị CTCK mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng tại CTCK ("TKGDCK").
- 1.2. CTCK cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng này bao gồm:
 - (i) Mở TKGDCK;
 - (ii) Lưu ký chứng khoán, thực hiện các quyền lợi hợp pháp gắn liền với chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Khách hàng (áp dụng cho TKGDCK Loại 1 và Loại 2);
 - (iii) Quản lý tiền của Khách hàng trong TKGDCK (áp dụng cho TKGDCK Loại 1);
 - (iv) Quản lý chứng khoán của Khách hàng trong TKGDCK (áp dụng cho TKGDCK Loại 1 và Loại 2);
 - (v) Đặt lệnh giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và cung cấp kết quả giao dịch và bảng sao kê số dư tiền gửi, số dư chứng khoán (áp dụng cho TKGDCK Loại 1) hoặc bảng sao kê số dư chứng khoán (áp dụng cho TKGDCK Loại 2) khi Khách hàng có yêu cầu;
 - (vi) Thanh toán bù trừ đối với các giao dịch chứng khoán phát sinh trên TKGDCK (áp dụng cho TKGDCK Loại 1 và Loại 2);
 - (vii) Trường hợp CTCK phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin về giao dịch điện tử (email, SMS, fax, web chat, và các phương thức điện tử khác...) phù hợp với quy định pháp luật, CTCK sẽ cung cấp dịch vụ gửi các thông tin liên quan đến TKGDCK của Khách hàng hoặc các thông báo khác cho Khách hàng thông qua bất kỳ hoặc toàn bộ các phương thức này qua email, SMS, fax, web chat... mà Khách hàng đã nêu tại Hợp đồng này hoặc đăng ký với CTCK tùy từng thời điểm. Việc cung cấp dịch vụ nêu tại Mục này không phải là điều kiện bắt buộc đối với CTCK trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này. CTCK sẽ cung cấp dịch vụ này theo quyết định và khả năng của CTCK tùy từng thời điểm.
 - (viii) Các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc dịch vụ Khách hàng đăng ký theo quy định tại Mục 1.3 dưới đây.
- 1.3. Đối với các dịch vụ khác do CTCK cung cấp ngoài các dịch vụ liệt kê tại Điều 1.2 trên đây, Khách hàng sẽ thực hiện đăng ký với CTCK bằng cách điền thông tin theo mẫu "Đăng ký sử dụng dịch vụ" và cung cấp cho CTCK.

Điều 2: Cách thức nhận lệnh của CTCK

Khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch chứng khoán thông qua các cách thức sau:

- 2.1. Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của CTCK bằng cách nộp Phiếu lệnh tại quầy giao dịch của CTCK.
- 2.2. Đặt lệnh qua các phương thức giao dịch điện tử theo thỏa thuận cụ thể đính kèm Hợp đồng này.

Điều 3: Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán được áp dụng

- 3.1. Trường hợp Khách hàng mở TKGDCK Loại 1: Khách hàng phải có số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán trong TKGDCK tương ứng 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách hàng.
- 3.2. Trường hợp Khách hàng mở TKGDCK Loại 2 và Loại 3: Khách hàng có trách nhiệm hoặc ủy quyền CTCK yêu cầu ngân hàng thanh toán hoặc ngân hàng lưu ký thực hiện phong tỏa số dư tiền trong tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

Điều 4: Lãi suất trên số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán

Khách hàng mở TKGDCK Loại 1 được nhận lãi tiền gửi căn cứ trên số dư tiền và lãi suất do CTCK công bố theo từng thời điểm.

Điều 5: Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn

Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho CTCK được quyền tự động trích và/hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán, Ngân hàng lưu ký sử dụng tiền trong TKGDCK, tài khoản thanh toán của Khách hàng, chọn và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định tại Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại thuế áp dụng, phí giao dịch, các loại phí khác có liên quan và tiền phạt (tương đương với lãi chậm trả) theo quy định của CTCK khi Khách hàng vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của CTCK. Trong trường hợp số dư tiền và/hoặc chứng khoán của Khách hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, CTCK có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 6: Thỏa thuận về việc cung cấp thông tin TKGDCK cho Ngân hàng nơi Khách hàng mở Tài khoản thanh toán (áp dụng cho TKGDCK Loại 2).

Khách hàng đồng ý ủy quyền cho CTCK cung cấp thông tin trên TKGDCK của Khách hàng bao gồm thông tin khách hàng, thông tin tài khoản, số dư tiền, chứng khoán, lịch sử giao dịch... cho Ngân hàng nơi Khách hàng mở Tài khoản thanh toán.

Điều 7: Các ủy quyền của Khách hàng cho CTCK

Khách hàng đồng ý ủy quyền cho CTCK thực hiện các hoạt động sau:

- 7.1. Đối với TKGDCK Loại 1:
 - (i) Truy cập vào TKGDCK của Khách hàng để kiểm tra số dư tiền khi Khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán.
 - (ii) Tự động trích tiền trong TKGDCK của Khách hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với phí giao dịch và các khoản phí phát sinh khác theo quy định của CTCK và các khoản thuế (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh theo quy định của CTCK hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - (iii) Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.
 - (iv) Thu tiền bán chứng khoán và chuyển số tiền này vào TKGDCK của Khách hàng.
- 7.2. Đối với TKGDCK Loại 2:
 - (i) Đề nghị Ngân hàng thanh toán cung cấp thông tin, xác nhận về khả năng thanh toán của Khách hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán và yêu cầu Ngân hàng thanh toán phong tỏa số dư trong tài khoản thanh toán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán Khách hàng đặt lệnh mua, thuế và các khoản phí phát sinh có liên quan.
 - (ii) Yêu cầu Ngân hàng thanh toán trích tiền trong tài khoản thanh toán của Khách hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với phí giao dịch và các khoản phí phát sinh khác theo quy định của CTCK và các khoản thuế (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh theo quy định của CTCK hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - (iii) Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.
- 7.3. Đối với TKGDCK Loại 3:
 - (i) Đề nghị Ngân hàng lưu ký cung cấp thông tin, xác nhận về khả năng thanh toán của Khách hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán và yêu cầu Ngân hàng lưu ký phong tỏa số dư trong tài khoản thanh toán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán Khách hàng đặt lệnh mua, thuế và các khoản phí phát sinh có liên quan.
 - (ii) Yêu cầu Ngân hàng lưu ký trích tiền trong tài khoản thanh toán của Khách hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với phí giao dịch và các khoản phí phát sinh khác theo quy định của CTCK và các khoản thuế (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh theo quy định của CTCK hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - (iii) Yêu cầu Ngân hàng lưu ký phong tỏa ngay số chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh bán và trích số chứng khoán của Khách hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 8.1. Sở hữu và thực hiện các quyền của người sở hữu đối với tiền và các quyền, lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ tiền gửi tại CTCK (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1).
- 8.2. Sở hữu và thực hiện các quyền của người sở hữu đối với chứng khoán và các quyền, lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ chứng khoán lưu ký tại CTCK (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1 và Loại 2)
- 8.3. Đặt lệnh mua/bán chứng khoán theo cách thức đặt lệnh đã thỏa thuận tại Điều 2.
- 8.4. Được CTCK thông báo về kết quả thực hiện các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Khách hàng. Chấp nhận các giao dịch đã phát sinh nếu khách hàng không có ý kiến phản đối trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo.

- 8.5 Thừa nhận rằng, CTCK đã thông báo đầy đủ về chức năng và giấy phép hoạt động của Công ty.
- 8.6 Cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của những thông tin do Khách hàng cung cấp cho CTCK.
- 8.7 Thông báo cho CTCK khi có thay đổi về khả năng tài chính, khả năng chịu đựng rủi ro, nhân thân của Khách hàng và khi trở thành hoặc không còn là các đối tượng công bố thông tin. Khi cập nhật thông tin, CTCK được phép xem là các thông tin trên không có thay đổi nếu không nhận được thông báo thay đổi từ phía Khách hàng. CTCK sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những thiệt hại phát sinh do sự thay đổi thông tin mà Khách hàng không thông báo cho CTCK.
- 8.8 Khách hàng cam kết thực hiện thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành trước khi thực hiện giao dịch các mã chứng khoán được liệt kê ở trên hoặc theo yêu cầu của CTCK trong trường hợp CTCK xử lý bán chứng khoán do Khách hàng vi phạm các quy định về Giao dịch ký quỹ của CTCK (trường hợp Khách hàng có sử dụng dịch vụ Giao dịch ký quỹ) hoặc các quy định về cho vay cầm cố chứng khoán của Ngân hàng (nếu có).
- 8.9 Tìm hiểu và tuân thủ quy định về giao dịch chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định khác có liên quan.
- 8.10 Chấp nhận kết quả giao dịch do CTCK thực hiện theo lệnh giao dịch của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền.
- 8.11 Khi ủy quyền cho người khác thực hiện giao dịch chứng khoán tại CTCK, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng và chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ phát sinh do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền. Việc ủy quyền đối với tài khoản giao dịch chứng khoán sẽ bao gồm cả các tài khoản có liên quan đến tài khoản giao dịch chứng khoán trừ khi khách hàng có quy định khác và được nêu rõ trong văn bản ủy quyền.
- 8.12 Thanh toán các khoản phí môi giới, phí lưu ký, phí cung cấp dịch vụ SMS, phí chậm trả và các khoản thuế, phí khác theo qui định của pháp luật và thông báo của CTCK.
- 8.13 Thường xuyên kiểm tra sổ dư tiền, chứng khoán và sao kê giao dịch trên tài khoản.
- 8.14 Thông báo kịp thời cho CTCK những sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình, hợp tác cùng CTCK hoàn trả cho chủ sở hữu những khoản ghi có và được hoàn trả những khoản ghi nợ mà không phải là của Khách hàng do sai sót hay nhầm lẫn.
- 8.15 Khi sử dụng các dịch vụ mà CTCK cung cấp qua hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được xem như đồng ý chấp nhận các điều khoản, điều kiện sử dụng kèm theo các dịch vụ như là một phần của Hợp đồng này.
- 8.16 Khách hàng đồng ý rằng, CTCK có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại phí dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do CTCK cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là CTCK sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do CTCK lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của CTCK tại www.ssi.com.vn, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của CTCK) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thì Khách hàng phải thông báo cho CTCK bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với CTCK và/hoặc đóng TKGDCK.
- 8.17 Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của CTCK

- 9.1 Hưởng phí cho các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu phí được niêm yết tại CTCK hoặc theo thỏa thuận với Khách hàng.
- 9.2 Được phép trích tiền gửi trên TKGDCK (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1) hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán, Ngân hàng lưu ký trích tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Khách hàng để thanh toán các khoản phí có liên quan vào ngày làm việc cuối cùng của tháng hoặc một ngày khác do CTCK quyết định và thông báo cho Khách hàng. Nếu tài khoản của Khách hàng không có đủ tiền để thanh toán thì CTCK được quyền tính lãi đối với số tiền còn thiếu.
- 9.3 Trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn, CTCK có quyền đề nghị phong tỏa sổ chứng khoán có giá trị tương đương nghĩa vụ phải thanh toán trong tài khoản của Khách hàng và bán sổ chứng khoán đã phong tỏa để trừ nợ nếu Khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn theo thông báo của CTCK.
- 9.4 Thực hiện các giao dịch chứng khoán theo lệnh của Khách hàng.
- 9.5 Lưu giữ tiền của Khách hàng tại CTCK theo qui định của pháp luật (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1).
- 9.6 Lưu giữ sổ dư chứng khoán của Khách hàng tại TKGDCK và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1 và Loại 2).
- 9.7 Giữ bí mật các thông tin về Khách hàng và chỉ được cung cấp thông tin khi có sự đồng ý bằng văn bản của Khách hàng hoặc phải cung cấp thông tin theo qui định của pháp luật.
- 9.8 Không sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có yêu cầu hoặc ủy quyền của Khách hàng.
- 9.9 Thông báo kết quả giao dịch, sổ dư tài khoản theo yêu cầu của Khách hàng.
- 9.10 Không được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.
- 9.11 Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng nếu các thiệt hại đó phát sinh do lỗi của CTCK theo mức do CTCK và Khách hàng thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nếu hai bên không đạt được thỏa thuận về mức bồi thường.
- 9.12 CTCK có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại phí dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do CTCK cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là CTCK sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do CTCK lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của CTCK tại www.ssi.com.vn, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực.
- 9.13 Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng và xử lý khi chấm dứt Hợp đồng

- 10.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 10.2 dưới đây.
- 10.2 Hợp đồng có thể được chấm dứt trong các trường hợp sau:
- (i) Hai bên thỏa thuận bằng văn bản;
 - (ii) Khách hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho CTCK;
 - (iii) Khách hàng (là cá nhân) bị chết, mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố đã chết hoặc mất tích hoặc Khách hàng (là tổ chức) bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất. Việc xử lý Hợp đồng khi Khách hàng (là tổ chức) bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất hoặc Khách hàng (là cá nhân) qua đời, mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật;
 - (iv) CTCK chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; và
 - (v) CTCK có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi:
 - Khách hàng thực hiện các hành vi vi phạm theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - Khách hàng vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này và không khắc phục khi có yêu cầu bằng văn bản của CTCK;
 - Khách hàng vi phạm nghiêm trọng nội quy về trật tự, an toàn tại các điểm giao dịch và không khắc phục sau khi có nhắc nhở của CTCK.
- 10.3 Trong mọi trường hợp, khi Hợp đồng chấm dứt, các bên cam kết hoàn tất các nghĩa vụ đã phát sinh và hỗ trợ nhau để thanh lý Hợp đồng đúng quy định của pháp luật.

Điều 11: Điều khoản chung

- 11.1 Các tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai bên, nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.
- 11.2 Hợp đồng này được hiểu và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp đồng này sẽ do một tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.
- 11.3 Trường hợp do có sự thay đổi về pháp luật làm cho một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này trở thành vô hiệu, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, hai bên cam kết nghiêm chỉnh tiếp tục thực hiện.
- 11.4 Hợp đồng này chỉ được sửa đổi bằng văn bản có chữ ký của các bên trong Hợp đồng này.
- 11.5 Hợp đồng này có thể được ký kết thành một hoặc nhiều bản, mỗi bản khi được ký kết sẽ được xem là một bản gốc, và các bản này sẽ tạo thành cùng một văn kiện duy nhất.
- 11.6 Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực ngang nhau trừ khi luật Việt Nam có quy định khác.